TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18/**2022/HC-ST
Ngày: 13-9-2022
V/v Khiếu kiện Hành vi hành chính của Chủ tịch UBND.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Ma Hồng Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Duyên; Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hoàng Thị Minh Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tính - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22/8, 29/8 và 13/9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 47/2021/TLST-HC ngày 15 tháng 10 năm 2021 về việc Khiếu kiện Hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2022/QĐXXST-HC ngày 13 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

***** *Người khởi kiện*: Bà Trần Thị T, sinh năm 1958; có mặt các ngày 22 và 29/8, vắng mặt ngày 13/9/2022.

Địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Lê Đình V – Luật sư Công ty luật TNHH M thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

Ông V có mặt.

** Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Đình T – Phó Chủ tịch UBND huyện C, tỉnh Tuyên Quang; Có mặt.

Địa chỉ: Thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản đối thoại, người khởi kiện bà Trần Thị T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày:*

Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn B là chủ sử dụng hợp pháp đối với diện tích đất khoảng 10.000m^2 và là chủ sở hữu của 2 ngôi nhà ở cùng tài sản trên đất

tại thôn 5, xã N, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Hiện nay diện tích đất này đã bị thu hồi để xây dựng nhà máy thủy điện C. Từ trước đến nay, ông bà không nhận được bất kỳ thông báo hay quyết định thu hồi đất nào của UBND huyện C, mãi đến ngày 17/6/2020, thông qua đơn vị đại diện theo ủy quyền là Công ty Luật TNHH M, bà T mới nhận được tài liệu (bản phô tô), liên quan đế việc thu hồi đất là:

- Quyết định số 824/QĐ-UBND ngày 05/10/2009 của UBND huyện C về việc thu hồi đất xây dựng Nhà máy thủy điện C, tỉnh Tuyên Quang;

- Quyết định số 2340/QĐ-CT ngày 06/10/2009 của Chủ tịch UBND huyện C về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Công trình: xây dựng Nhà máy thủy điện C, huyện C, tỉnh Tuyên Quang;

- Biên bản kiểm tra, kiểm kê diện tích đất và tài sản trên đất thu hồi ngày 21/8/2008 của chủ sử dụng đất Trần Thị T – Nguyễn Văn T;

Sau khi kiểm tra, bà T thấy rằng các quyết định trên đã không ghi đúng tên chủ sử dụng đất là vợ chồng bà mà lại ghi tên Nguyễn Văn T, con trai ông bà. Phát hiện có hành vi làm giả, làm khống tài liệu, vi phạm quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất nhằm mục đích trục lợi nên bà đã làm đơn khiếu nại ngày 02/7/2020 gửi Chủ tịch UBND huyện C.

Sau 5 tháng, đến ngày 23/11/2020 bà T mới nhận được Thông báo số 229/TB-UBND ngày 10/11/2020 của UBND huyện C về việc khiếu nại không đủ điều kiện thụ lý giải quyết với lý do đã hết thời hiệu để được giải quyết.

Thực tế ngày 17/6/2020, đơn vị đại diện theo ủy quyền của bà T mới nhận được các văn bản nêu trên nên như vậy thời hiệu khiếu nại của bà T được tính từ ngày 17/6/2020. Tức là ngày 02/7/2020 bà T gửi đơn khiếu nại là vẫn còn thời hiệu. Sau khi nhận được thông báo số 229 bà T đã nhiều lần yêu cầu Chủ tịch UBND huyện C xem xét lại và thụ lý đơn khiếu nại nhưng chưa được giải quyết.

Vì vậy bà T đã làm đơn khởi kiện ra Tòa án, yêu cầu Tòa án Tuyên bố hành vi không thụ lý giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang là trái pháp luật. Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang phải thụ lý đơn khiếu nại ngày 02/7/2020 của bà T.

** Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch UBND huyện C trình bày:*

Hộ gia đình bà Trần Thị T (con trai là Nguyễn Văn T) có đất bị thu hồi để giải phóng mặt bằng xây dựng công trình Nhà máy thủy điện C.

Theo danh sách xác nhận nhân khẩu do UBND xã Ngọc Hội cung cấp, thời điểm kiểm kê, lập hồ sơ thu hồi đất xây dựng công trình Nhà máy thủy điện C, gia đình bà T có 04 nhân khẩu (bà Trần Thị T, con trai Nguyễn Văn T 23 tuổi, con trai Nguyễn Văn T1 21 tuổi và con trai Nguyễn Văn H 16 tuổi). Gia đình chưa được cấp GCNQSD đất đối với diện tích đất bị thu hồi. Trong đó ông Nguyễn Văn T là người ký xác nhận tại Biên bản kiểm kê diện tích đất và tài sản trên đất thu hồi ghi ngày 21/8/2008 của hộ gia đình. Tại Tờ khai về sử dụng đất

và tài sản của hộ gia đình ghi ngày 23/6/2008 do bà Trần Thị T ký xác nhận. Do vậy, ông Nguyễn Văn T có đủ điều kiện để đại diện cho hộ gia đình thực hiện các thủ tục về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ để giải phóng mặt bằng công trình Nhà máy thủy điện C theo quy định.

Tại Quyết định số 824/QĐ-UBND ngày 05/10/2009 của UBND huyện C về việc thu hồi đất và Quyết định số 2340/QĐ-CT ngày 06/10/2009 của Chủ tịch UBND huyện C về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Công trình: xây dựng Nhà máy thủy điện C, huyện C, tỉnh Tuyên Quang có ghi người được thu hồi đất và người được bồi thường là "Nguyễn Văn T".

Năm 2011, bà Trần Thị T (được ông Nguyễn Văn T ủy quyền) có đơn khiếu nại gửi UBND huyện đề nghị giải quyết vướng mắc liên quan đến bồi thường, hỗ trợ để giải phóng mặt bằng công trình Nhà máy thủy điện C. Tại biên bản làm việc ngày 08/3/2011 với Đoàn Thanh tra UBND huyện C, bà T xác nhận đã nhận đủ số tiền bồi thường, hỗ trợ được UBND huyện phê duyệt. Ngày 15/4/2011, Chủ tịch UBND huyện C đã ban hành quyết định số 656/QĐ-CT về việc giải quyết khiếu nại của công dân Nguyễn Văn T, thôn Đầm Hồng 5, xã Ngọc Hội, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Do đó, thời điểm năm 2011 hộ gia đình bà T (con trai là Nguyễn Văn T) đã biết được Quyết định số 824/QĐ-UBND ngày 05/10/2009 của UBND huyện C về việc thu hồi đất và Quyết định số 2340/QĐ-CT ngày 06/10/2009 của Chủ tịch UBND huyện C về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Công trình: xây dựng Nhà máy thủy điện C, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

Sau khi Quyết định 656 nêu trên được ban hành, từ năm 2011 đến tháng 8 năm 2020, bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn T không có đơn khiếu nại Quyết định và kiến nghị liên quan đến việc thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng đối với gia đình ông bà để xây dựng công trình Nhà máy thủy điện C. Do vậy căn cứ theo quy định của Luật khiếu nại năm 2011, UBND huyện C đã ban hành Thông báo số 229/TB-UBND ngày 10/11/2020 của UBND huyện C về việc khiếu nại không đủ điều kiện thụ lý giải quyết là đúng quy định của pháp luật với lý do: Thời hiệu khiếu nại đã hết mà không có lý do chính đáng.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng các bên đương sự đối thoại không thành.

Ngày 21/3/2022, bà Trần Thị T có đơn đề nghị trưng cầu giám định, yêu cầu giám định đối với:

- Đơn khiếu lại về việc đền bù giải phóng mặt bằng nhà máy thủy điện C mang tên Trần Thị T ngày 08/3/2011 (kí hiệu A1);

- Giấy ủy quyền ngày 08/3/2011 của ông Nguyễn Văn T ủy quyền cho bà Trần Thị T(kí hiệu A2);

- Biên bản gặp gỡ, đối thoại ngày 08/3/2011(kí hiệu A3);

- Đơn đề nghị ngày 16/10/2009 gửi Hội đồng giải phóng mặt bằng thủy điện C mang tên Trần Thị T(kí hiệu A4);

- Biên bản bàn giao mặt bằng ngày 10/6/2010(kí hiệu A5);

- Tờ khai về sử dụng đất và tài sản của chủ sử dụng đất Trần Thị T ghi ngày 23/6/2008(kí hiệu A6).

Vì theo bà chữ ký, chữ viết trong các biên bản này không phải là chữ ký của bà.

Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 02/2022/QĐ-TCGĐ ngày 21/6/2022 đối với những tài liệu trên. Tại kết luận giám định số 756/GĐ-KTHS ngày 05/7/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang đã kết luận:

- Chữ ký (dạng chữ viết) "T", chữ viết ghi tên "Trần Thị T" dưới mục "người làm đơn" trên mẫu cần giám định kí hiệu A1; dưới mục "người nhận ủy quyền" trên mẫu cần giám định kí hiệu A2; dưới các trang và mục "NGƯỜI KHIẾU NẠI" trên mẫu cần giám định kí hiệu A3; dưới mục "Chủ sử dụng đất' trên mẫu cần giám định kí hiệu A6; chữ viết ghi tên "Trần Thị T" dưới mục "Người làm đơn" trên mẫu cần giám định kí hiệu A4 và dưới mục "ĐẠI DIỆN HỘ GIA ĐÌNH" trên mẫu cần giám định kí hiệu A5 với chữ viết, chữ ký đứng tên Trần Thị T trên mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là do cùng một người ký và viết.

- Chữ ký dưới mục "Người làm đơn" trên mẫu cần giám định kí hiệu A4 và dưới mục "ĐẠI DIỆN HỘ GIA ĐÌNH" trên mẫu cần giám định kí hiệu A5 với chữ ký đứng tên Trần Thị T trên mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 không cùng dạng nên không tiến hành giám định so sánh.

Tại phiên tòa, người khởi kiện bà Trần Thị T, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết buộc Chủ tịch UBND huyện C phải thụ lý đơn khiếu nại ngày 02/7/2020 của bà Trần Thị T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh tại phiên tòa trình bày quan điểm: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính. Người khởi kiện, người bị kiện đã chấp hành đúng quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đơn khởi kiện của bà Trần Thị T là đúng thời hạn, thời hiệu theo quy định của Luật Tố tụng hành chính nên được coi là hợp lệ. Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, qua quá trình hỏi, tranh luận của các bên đương sự tại phiên tòa thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T đối với Chủ tịch UBND huyện C về hành không thụ lý giải quyết khiếu nại, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T.

Bà Trần Thị T phải chịu chi phí trưng cầu giám định theo quy định tại Điều 362 và Điều 363 của Luật Tố tụng hành chính. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Trần Thị T là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các đương sự và những người tham gia tố tụng; Hội đồng xét xử sơ thẩm hành chính thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] *Về thẩm quyền giải quyết:*

Ngày 13/9/2021, bà Trần Thị T có đơn khởi kiện vụ án hành chính về hành vi không thụ lý giải quyết khiếu nại của Chủ tịch ủy ban nhân huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Như vậy, hành vi không giải quyết khiếu nại là đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính và do Chủ tịch UBND huyện C thực hiện nên khiếu kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[1.2] *Về thời hiệu khởi kiện:*

Ngày 28/8 và 31/8/2020, UBND huyện C, tỉnh Tuyên Quang nhận được Văn bản số 183/BTCD-ĐT ngày 25/8/2020 do Ban tiếp công dân tỉnh Tuyên Quang và Văn bản số 737/HĐND-VP ngày 21/8/2020 do Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang chuyển đến kèm theo đơn đề ngày 07/8/2020 và ngày 14/8/2022 của Công ty Luật TNHH M (được sự ủy quyền của bà Trần Thị T) gửi đến Chủ tịch UBND huyện C về việc khiếu nại " Hành vi cố ý làm sai lệch hồ sơ thu hồi đất để xây dựng Nhà máy thủy điện C và hồ sơ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư". Ngày 10/11/2020, Chủ tịch UBND huyện C đã ban hành Thông báo số 229/TB-UBND về việc khiếu nại không đủ điều kiện thụ lý giải quyết vì lý do đã hết thời hiệu. Ngày 23/11/2020, bà T nhận được Thông báo này. Ngày 13/9/2021, bà Trần Thị T làm đơn khởi kiện vụ án hành chính về hành vi không thụ lý giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện C tại Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính,việc nộp đơn khởi kiện của bà Trần Thị T còn trong thời hiệu khởi kiện.

[1.3] *Về quan hệ pháp luật:*

Bà Trần Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Chủ tịch UBND huyện C giải quyết khiếu nại của bà nên Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xác định quan hệ pháp luật là "Khiếu kiện hành vi hành chính của Chủ tịch UBND huyện".

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Xét tính hợp pháp và có căn cứ về nội dung việc thực hiện hành vi không giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND*, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 28 và 31/8/2020, UBND huyện C, tỉnh Tuyên Quang nhận được Văn bản số 183/BTCD-ĐT ngày 25/8/2020 do Ban tiếp công dân tỉnh Tuyên Quang và Văn bản số 737/HĐND-VP ngày 21/8/2020 do Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang chuyển đến kèm theo đơn đề ngày 07/8/2020 và ngày 14/8/2022 của Công ty Luật TNHH M (được sự ủy quyền của bà Trần Thị T) gửi đến Chủ tịch UBND huyện C về việc khiếu nại " Hành vi cố ý làm sai lệch hồ sơ thu hồi đất để xây dựng Nhà máy thủy điện C và hồ sơ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư".

Ngày 01/9/2020, UBND huyện C đã ban hành văn bản số 220/UBND-TCD về việc giao giải quyết đơn cho Thanh tra huyện chủ trì phối hợp các cơ quan đơn vị liên quan, Phòng Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, xem xét giải quyết khiếu nại đơn của bà Trần Thị T

Ngày 15/9/2020, các cơ quan chuyên môn của UBND huyện gồm Phòng Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm phát triển quỹ đất, UBND xã N, Nhà máy thủy điện C đã làm việc với Công ty Luật TNHH M, bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn T (con trai bà T), bà Nguyễn Thị Như Q (con dâu bà T) để xác định các nội dung khiếu nại. Ngày 04/11/2020, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C đã ban hành Báo cáo số 229/BC-TNMT với nội dung "Năm 2011, bà Trần Thị T (được ông Nguyễn Văn T ủy quyền) có đơn khiếu nại gửi UBND huyện đề nghị giải quyết vướng mắc liên quan đến bồi thường, hỗ trợ để giải phóng mặt bằng công trình Nhà máy thủy điện C. Ngày 15/4/2011, Chủ tịch UBND huyện C đã ban hành quyết định số 656/QĐ-CT về việc giải quyết khiếu nại của công dân Nguyễn Văn T, thôn Đ, xã N, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi quyết định giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn T được ban hành, từ năm 2011 đến tháng 8 năm 2020, bà T và ông T không có đơn khiếu nại quyết định của Chủ tịch UBND huyện và kiến nghị liên quan đến việc thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng đối với gia đình ông, bà để xây dựng công trình Nhà máy thủy điện C". Căn cứ vào nội dung báo cáo, ngày 10/11/2020, Chủ tịch UBND huyện C đã ban hành Thông báo số 229/TB-UBND về việc khiếu nại không đủ điều kiện thụ lý giải quyết vì lý do đã hết thời hiệu.

Do vậy, không có căn cứ để xác định Chủ tịch UBND huyện C có hành vi không giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị T.

[2.2] *Xét về thẩm quyền, trình tự, thủ tục việc thực hiện hành vi không giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND:*

** Về thẩm quyền:*

Chủ tịch UBND huyện C, tỉnh Tuyên Quang nhận được đơn khiếu nại đối với mình, đã tiếp nhận, giao cho cơ quan, tổ chức có thẩm quyền để kiểm tra nhằm xác định nội dung khiếu nại để giải quyết là thể hiện trách nhiệm của cơ quan tiếp nhận đơn. Ngày 10/11/2020, Chủ tịch UBND huyện C đã ban hành Thông báo số 229/TB-UBND về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại. Như vậy, chủ tịch UBND huyện C đã thực hiện đúng thẩm quyền giải quyết khiếu nại theo quy định tại Điều 18 Luật khiếu nại 2011.

** Về trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại:*

Ngày 28 và 31/8/2020, UBND huyện C, tỉnh Tuyên Quang nhận được Văn bản số 183/BTCD-ĐT ngày 25/8/2020 do Ban tiếp công dân tỉnh Tuyên Quang và Văn bản số 737/HĐND-VP ngày 21/8/2020 do Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang chuyển đến kèm theo đơn đề ngày 07/8/2020 và ngày 14/8/2022 của Công ty Luật TNHH M (được sự ủy quyền của bà Trần Thị T). Ngày 01/9/2020, UBND huyện C đã ban hành văn bản số 220/UBND-TCD về việc giao giải quyết đơn cho Thanh tra huyện chủ trì phối hợp các cơ quan đơn vị liên quan, Phòng

Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, xem xét giải quyết khiếu nại đơn của bà Trần Thị T

Ngày 15/9/2020, các cơ quan chuyên môn của UBND huyện gồm Phòng Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm phát triển quỹ đất, UBND xã N, Nhà máy thủy điện C đã làm việc với Công ty Luật TNHH M, bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn T (con trai bà T), bà Nguyễn Thị Như Q (con dâu bà T) để xác định các nội dung khiếu nại. Sau buổi làm việc, ngày 04/11/2020, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C đã ban hành Báo cáo số 229/BC-TNMT về kết quả xác minh và đề xuất nội dung khiếu nại của Công ty Luật TNHH M. Ngày 10/11/2020, Chủ tịch UBND huyện C đã căn cứ vào Báo cáo nêu trên để ban hành Thông báo số 229/TB-UBND về việc khiếu nại không đủ điều kiện thụ lý giải quyết là đúng trình tự, đúng thủ tục.

Bà Trần Thị T khai bà và ông Nguyễn Văn B, chồng bà là chủ sử dụng hợp pháp đối với diện tích đất khoảng 10.000m^2 và là chủ sở hữu của 2 ngôi nhà ở cùng tài sản trên đất tại thôn Đ, xã N, huyện C, tỉnh Tuyên Quang đã bị thu hồi để xây dựng nhà máy thủy điện C. Từ trước đến nay, ông bà không nhận được bất kỳ thông báo hay quyết định thu hồi đất nào của UBND huyện C, mãi đến ngày 17/6/2020, thông qua đơn vị đại diện theo ủy quyền là Công ty Luật TNHH M, bà T mới nhận được Quyết định số 824/QĐ-UBND ngày 05/10/2009 của UBND huyện C về việc thu hồi đất và Quyết định số 2340/QĐ-CT ngày 06/10/2009 của Chủ tịch UBND huyện C về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Công trình: xây dựng Nhà máy thủy điện C, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Tuy nhiên tại Đơn đề nghị ngày 16/10/2009, Biên bản bàn giao mặt bằng ngày 10/6/2010, bà T đã biết đến Quyết định số 824/QĐ-UBND ngày 05/10/2009 và Quyết định số 2340/QĐ-CT ngày 06/10/2009. Không đồng ý với số tiền bồi thường, ngày 08/3/2011 bà Trần Thị T (được ông Nguyễn Văn T ủy quyền) có đơn khiếu nại gửi UBND huyện đề nghị giải quyết vướng mắc liên quan đến bồi thường, hỗ trợ để giải phóng mặt bằng công trình Nhà máy thủy điện C. Tại biên bản gặp gỡ, đối thoại ngày 08/3/2011 với Đoàn Thanh tra UBND huyện C, bà T xác nhận đã nhận đủ số tiền bồi thường, hỗ trợ được UBND huyện phê duyệt. Ngày 15/4/2011, Chủ tịch UBND huyện C đã ban hành quyết định số 656/QĐ-CT về việc giải quyết khiếu nại của công dân Nguyễn Văn T, thôn Đ, xã N, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Do đó, thời điểm năm 2011 hộ gia đình bà T (con trai là Nguyễn Văn T) đã biết được Quyết định số 824/QĐ-UBND ngày 05/10/2009 của UBND huyện C về việc thu hồi đất và Quyết định số 2340/QĐ-CT ngày 06/10/2009 của Chủ tịch UBND huyện C về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Công trình: xây dựng Nhà máy thủy điện C, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 21/3/2022, bà Trần Thị T có đơn đề nghị trưng cầu giám định, yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết đối với: Đơn khiếu lại về việc đền bù giải phóng mặt bằng nhà máy thủy điện C mang tên Trần Thị T ngày 08/3/2011 (kí hiệu A1); Giấy ủy quyền ngày 08/3/2011 của ông Nguyễn Văn T ủy quyền cho bà Trần Thị T (kí hiệu A2);Biên bản gặp gỡ, đối thoại ngày 08/3/2011(kí hiệu A3); Đơn đề nghị ngày 16/10/2009 gửi Hội đồng giải phóng

mặt bằng thủy điện C mang tên Trần Thị T (kí hiệu A4); Biên bản bàn giao mặt bằng ngày 10/6/2010(kí hiệu A5); Tờ khai về sử dụng đất và tài sản của chủ sử dụng đất Trần Thị T ghi ngày 23/6/2008(kí hiệu A6) vì theo bà chữ ký, chữ viết trong các biên bản này không phải là chữ của bà. Ngày 21/6/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 02/2022/QĐ-TCGĐ đối với những tài liệu trên. Tại kết luận giám định số 756/GĐ-KTHS ngày 05/7/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang đã kết luận:

- Chữ ký (dạng chữ viết) "T", chữ viết ghi tên "Trần Thị T" dưới mục "người làm đơn" trên mẫu cần giám định kí hiệu A1; dưới mục "người nhậ ủy quyền" trên mẫu cần giám định kí hiệu A2; dưới các trang và mục "NGƯỜI KHIẾU NẠI" trên mẫu cần giám định kí hiệu A3; dưới mục "Chủ sử dụng đất' trên mẫu cần giám định kí hiệu A6; chữ viết ghi tên "Trần Thị T" dưới mục "Người làm đơn" trên mẫu cần giám định kí hiệu A4 và dưới mục "ĐẠI DIỆN HỘ GIA ĐÌNH" trên mẫu cần giám định kí hiệu A5 với chữ viết, chữ ký đứng tên Trần Thị T trên mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là do cùng một người ký và viết.

- Chữ ký dưới mục "Người làm đơn" trên mẫu cần giám định kí hiệu A4 và dưới mục "ĐẠI DIỆN HỘ GIA ĐÌNH" trên mẫu cần giám định kí hiệu A5 với chữ ký đứng tên Trần Thị T trên mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 không cùng dạng nên không tiến hành giám định so sánh.

Tại Đơn đề nghị ngày 16/10/2009 gửi Hội đồng giải phóng mặt bằng thủy điện C mang tên Trần Thị T (kí hiệu A4); Biên bản bàn giao mặt bằng ngày 10/6/2010(kí hiệu A5), kết luận giám định khẳng định chữ viết không đồng dạng nên không tiến hành giám định. Tuy nhiên chữ viết "Trần Thị T" tại các tài liệu này đều do bà Trần Thị T viết.

Như vậy bà T đã biết được Quyết định số 824/QĐ-UBND ngày 05/10/2009 và Quyết định số 2340/QĐ-CT ngày 06/10/2009 từ năm 2011 và đã được giải quyết khiếu nại đối với các quyết định trên tại Quyết định số 656/QĐ-CT ngày 15/4/2011 của Chủ tịch UBND huyện C.

[2.3] *Về thời hạn ban hành Thông báo số 229/TB-UBND ngày 10/11/2020 về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại:*

Ngày 28 và 31/8/2020, UBND huyện C, tỉnh Tuyên Quang nhận được Văn bản số 183/BTCD-ĐT ngày 25/8/2020 do Ban tiếp công dân tỉnh Tuyên Quang và Văn bản số 737/HĐND-VP ngày 21/8/2020 do Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang chuyển đến kèm theo đơn đề ngày 07/8/2020 và ngày 14/8/2022 của Công ty Luật TNHH M (được sự ủy quyền của bà Trần Thị T). Ngày 01/9/2020, UBND huyện C đã ban hành văn bản số 220/UBND-TCD về việc giao giải quyết đơn. Ngày 15/9/2020, các cơ quan chuyên môn của UBND huyện đã làm việc với Công ty Luật TNHH M, bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn T (con trai bà T), bà Nguyễn Thị Như Q (con dâu bà T) để xác định các nội dung khiếu nại. Ngày 04/11/2020, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C đã ban hành Báo cáo số 229/BC-TNMT về kết quả xác minh và đề xuất nội dung khiếu nại của Công ty

Luật TNHH M. Ngày 10/11/2020, Chủ tịch UBND huyện C đã căn cứ vào Báo cáo nêu trên để ban hành Thông báo số 229/TB-UBND về việc khiếu nại không đủ điều kiện thụ lý giải quyết. Hội đồng xét xử thấy thời hạn ban hành Thông báo số 229/TB-UBND ngày 10/11/2020 về việc khiếu nại không đủ điều kiện thụ lý giải quyết là chưa đúng theo thời hạn quy định tại Điều 27 Luật Khiếu nại.

[3] Về nội dung đơn khiếu nại đề ngày 26/7/2022 của bà Trần Thị T khiếu nại về Kết luận giám định số 756/GĐ-KTHS ngày 05/7/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Tuyên Quang: Ngày 07/9/2022, Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Tuyên Quang đã có Quyết định về việc giải quyết khiếu nại số 534/QĐ-KTHS; Quyết định giải quyết khiếu nại nêu nội dung khiếu nại của bà Trần Thị T là khiếu nại sai toàn bộ, giữ nguyên toàn bộ nội dung kết luận giám định số 756/GĐ-KTHS ngày 05/7/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Tuyên Quang do Thượng tá Nguyễn Ngọc T, Trưởng phòng ký.

[4] Về nội dung đơn khiếu nại của bà Trần Thị T đề ngày 26/7/2022 khiếu nại đối với quyết định trưng cầu giám định của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang:

Nội dung khiếu nại của bà T đề nghị Tòa án không công nhận Kết luận giám định số 756/GĐ- KTHS ngày 05/7/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Tuyên Quang và yêu cầu giám định bổ sung, đề nghị giám định thực hiện tại Trung tâm tư vấn giám định dân sự. Qua xem xét đơn của bà T, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang thấy rằng tại văn bản trả lời công dân số 2528/TL-TA ngày 01/8/2022 của Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã chuyển cho Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét trong quá trình xét xử vụ án.

Qua xem xét đơn của bà Trần Thị T đề ngày 26/7/2022 khiếu nại đối với quyết định trưng cầu giám định của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, Hội đồng xét xử thấy rằng nội dung đề nghị của bà Trần Thị T không có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy: UBND huyện C đã ra Thông báo số 229/TB-UBND ngày 10/11/2020 về việc khiếu nại không đủ điều kiện thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 6 Điều 11 Luật Khiếu nại, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T về việc khiếu kiện hành vi hành chính không giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

Xét ý kiến, quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tại phiên tòa là phù hợp với nội dung vụ án nên cần chấp nhận.

[5] Về án phí và chi phí giám định:

- Về chi phí giám định: Do yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T không được chấp nhận nên bà T phải chịu chi phí theo quy định Điều 362, Điều 363 của Luật Tố tụng hành chính.

- Về án phí: Áp dụng Điều 344, Điều 345, Điều 348 của Luật Tố tụng hành chính, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Trần Thị T là người cao tuổi, nên được miễn toàn bộ tiền án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 29; Điều 30; Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194, Điều 344, Điều 345, Điều 348, Điều 362, Điều 363 của Luật Tố tụng hành chính; Khoản 6 Điều 11, Điều 18, Điều 25, Điều 27 Luật khiếu nại.

Căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T về việc *"Khiếu kiện hành vi hành chính không giải quyết khiếu nại"* đối với người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

2. Về chi phí giám định, án phí:

- Về chi phí giám định: Bà Trần Thị T phải chịu 3.330.000đ *(Ba triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng)*. Bà T đã nộp đủ số tiền trên

- Về án phí: Bà Trần Thị T là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí hành chính sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Người bị kiện có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người khởi kiện vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- UBND tỉnh Tuyên Quang;
- Cục THA dân sự tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ma Hồng Thắng